

Họ tên : Lớp :

Mã đề 123

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Giải pháp chủ yếu trong bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. quy hoạch và bảo vệ hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn.
- B. thực hiện luật đa dạng sinh học và tăng độ che phủ rừng.
- C. mở rộng diện tích đất rừng và ngăn chặn nạn phá rừng.
- D. tăng cường trồng rừng và cấm săn bắt động vật trái phép.

Câu 2. Đô thị nước ta hiện nay

- A. chỉ có chức năng hành chính.
- B. phân thành nhiều loại khác nhau.
- C. chỉ phân bố ở khu vực miền núi.
- D. không thay đổi qua các năm.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

Để thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội, dạng biểu đồ thích hợp nhất là

- A. tròn.
- B. miền.
- C. cột.
- D. cột chồng.

Câu 4. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta khí hậu mang tính chất

- A. cận xích đạo gió mùa.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. ôn đới lục địa gió mùa.
- D. cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 5. Đai ôn đới gió mùa trên núi của nước ta chỉ có ở

- A. Pu Đen Đình.
- B. Hoàng Sơn.
- C. Hoàng Liên Sơn.
- D. Bạch Mã.

Câu 6. Quá trình đô thị hoá nước ta hiện nay được đẩy nhanh chủ yếu là do

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng dịch vụ.
- B. hiện đại hoá nông thôn và tăng dịch vụ.
- C. phát triển khu công nghiệp, tăng sản xuất.
- D. sự phát triển kinh tế và công nghiệp hoá.

Câu 7. Hai quốc gia tiếp giáp cả trên biên và trên đất liền với nước ta là

- A. Lào, Cam-pu-chia.
- B. Lào, Trung Quốc.
- C. Trung Quốc, Cam-pu-chia.
- D. Trung Quốc, Thái Lan.

Câu 8. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta khác với phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do tác động của

- A. vị trí nằm ở xa chí tuyến, gió Tây Nam và bão.
- B. gió đông bắc và tây nam, vị trí gần xích đạo.
- C. gió tây nam, vị trí ở gần với bán cầu Nam.
- D. địa hình đồi núi, cao nguyên và các loại gió.

Câu 9. Khoáng sản năng lượng của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta chủ yếu là

- A. dầu mỏ.
- B. than bùn.
- C. than đá.
- D. bô xít.

Câu 10. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. miền núi. B. đồng bằng. C. cao nguyên. D. trung du.

Câu 11. Ý nghĩa chủ yếu nhất do vị trí nằm trong khu vực hoạt động gió mùa châu Á của nước ta mang lại là

- A. địa hình núi bị xâm thực, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
B. chế độ nước sông theo mùa, đồng bằng được mở rộng.
C. lưu lượng nước sông lớn, khí hậu phân hóa theo mùa.
D. thực vật phong phú, lãnh thổ chịu ảnh hưởng của biển.

Câu 12. Quá trình feralit của nước ta diễn ra mạnh ở vùng

- A. đồng bằng. B. cửa sông. C. đồi núi thấp. D. ven biển.

Câu 13. Việt Nam nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. khí áp cao. B. nền nhiệt cao. C. độ ẩm cao. D. lượng mưa lớn.

Câu 14. Nước ta nằm ở vị trí

- A. trên bán đảo Trung Ấn. B. phía Đông của châu Á.
C. phía Đông của châu Á. D. phía đông bán đảo Đông Dương.

Câu 15. Ô nhiễm bụi ở vùng nông thôn nước ta chủ yếu từ

- A. hoạt động du lịch. B. hoạt động nông nghiệp.
C. rác thải sinh hoạt. D. sản xuất công nghiệp.

Câu 16. Biểu hiện chủ yếu của sự suy thoái tài nguyên đất ở miền núi là

- A. xói mòn. B. nhiễm phèn. C. nhiễm mặn. D. ô nhiễm.

Câu 17. Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh

- A. Hà Giang. B. Cà Mau. C. Điện Biên. D. Kiên Giang.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

Dân số và dân số thành thị nước ta giai đoạn 2017 - 2022

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2017	2019	2021	2022
Dân số	94,3	96,5	98,5	99,5
Số dân thành thị	31,9	33,8	36,6	37,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Dân số nước ta tăng thêm 5 triệu người từ năm 2017-2022.
B. Dân số nước ta tăng liên tục.
C. Dân số thành thị nước ta tăng liên tục.
D. Dân số thành thị tăng thêm 1,9 triệu người từ năm 2017-2019.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta có vĩ độ khoảng $23^{\circ}23'N$ tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; điểm cực Nam có vĩ độ khoảng $8^{\circ}34'N$ tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Trên biển, lãnh thổ nước ta còn kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'N$.

- a) Lãnh thổ kéo dài làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc-Nam.
b) Khoảng cách theo vĩ độ của nước ta trên biển ngắn hơn trên đất liền.
c) Việt Nam nằm trong khu vực chịu sự tác động của gió Mậu dịch.
d) Vị trí nước ta nằm hoàn toàn trong vùng ngoại chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dân số trung bình năm 2022 của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 957,3 nghìn người,

tương đương tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị 37,35 triệu người, chiếm 37,6%; dân số nông thôn 62,11 triệu người, chiếm 62,4%; Tỉ số giới tính khi sinh là 111,6 bé trai/100 bé gái. (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022).

- a) Nước ta có sự mất cân bằng giới tính khi sinh.
- b) Số dân ở nông thôn vẫn còn đông hơn thành thị.
- c) Dân số của nước ta đông làm giảm sức ép cho kinh tế.
- d) Tỉ suất gia tăng tự nhiên của dân số nước ta đang giảm.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây ở nước ta có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế. Vùng ven biển và thềm lục địa hướng tới phát triển tổng hợp kinh tế biển; vùng đồng bằng phát triển cây lương thực, chăn nuôi lợn và gia cầm; vùng đồi núi phát triển nông lâm kết hợp.

- a) Sự hình thành cơ cấu nông-lâm-thủy sản có thể tạo thể liên hoàn theo không gian.
- b) Vùng biển có thể mạnh khai thác dầu khí.
- c) Vùng đồng bằng thuận lợi phát triển cây lúa.
- d) Sự khác nhau về cơ cấu cây trồng, mùa vụ do sự phân hóa sông ngòi, đất đai, sinh vật.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ, biên độ nhiệt độ trung bình năm của một số trạm khí tượng nước ta

(Đơn vị: °C)

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm	Biên độ nhiệt độ năm
Hà Nội	23,9	12,6
Huế	25,1	9,4
Quy Nhơn	27,1	6,7
Cần Thơ	25,9	3,1

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

- a) Nhiệt độ và biên độ nhiệt nước ta thay đổi từ Bắc vào Nam do ảnh hưởng của địa hình.
- b) Quy Nhơn có nhiệt độ và biên độ nhiệt năm lớn hơn Cần Thơ.
- c) Nhiệt độ trung bình năm của Quy Nhơn cao nhất do ảnh hưởng của gió Mậu dịch.
- d) Biên độ nhiệt độ năm nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Nước ta có đường biên giới trên đất liền với 3 quốc gia; trong đó đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc dài 1400km, Việt Nam - Lào dài 2100km, Việt Nam - Cam-pu-chia dài 1100km.

Hãy cho biết tỉ lệ % chiều dài đường biên giới Việt Nam - Lào trong tổng chiều dài đường biên giới của Việt Nam với ba nước trên (làm tròn kết quả tính đến hàng đơn vị của %)?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng tại Láng (Hà Nội)

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	18,6	28,2	43,8	90,1	188,5	239,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong năm tại Láng (Hà Nội) (làm tròn kết quả tính đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng tại Huế và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Huế	95,6	70,8	128,3	381,0	157,3	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6
Cà Mau	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa trung bình năm của Huế cao hơn Cà Mau bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Diện tích đất tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất của nước ta năm 2021

Năm	2021
Diện tích đất tự nhiên (triệu ha)	33,1
Cơ cấu sử dụng đất (%), trong đó:	
- Đất nông nghiệp	84,5
- Đất phi nông nghiệp	11,9
- Đất chưa sử dụng	3,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính diện tích đất phi nông nghiệp của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả tính đến hàng đơn vị của triệu ha).

Câu 5. Cho bảng số liệu sau:

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở nước ta giai đoạn 2017 - 2022

Năm	2017	2019	2021	2022
Lao động thành thị (%)	31.45	32.13	36.21	36.97
Lực lượng lao động (nghìn người)	53708.6	54659.2	49072	50604.7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực nông thôn ở nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn đến một chữ số thập phân của triệu người).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Số dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000 - 2022

Năm	2000	2010	2021	2022
Số dân thành thị (triệu người)	18,7	26,5	36,6	37,4
Tỷ lệ dân thành thị (%)	24,1	30,4	37,1	37,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2000, 2010, 2021, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, dân số nước ta năm 2000 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn đến một chữ số thập phân của triệu người).

----- HẾT -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

1.A	2.B	3.C	4.B	5.C	6.D	7.C	8.B	9.C	10.B
11.C	12.C	13.B	14.D	15.B	16.A	17.C	18.A		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án (123)	a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Sai	a) Đúng b) Đúng c) Sai d) Đúng	a) Đúng b) Đúng c) Đúng d) Sai	a) Sai b) Đúng c) Sai d) Sai

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6
Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án (123)	45	1678	34	4	31,3	77,6

